

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2022

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc;

Ông Hoàng Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T; sinh năm 1993; nơi cư trú: Xóm T, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Ông Ngô Duy Đông - Văn phòng luật sư Đông Anh – Đoàn luật sư tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm T, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã A, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11 tháng 11 năm 2011. Vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, do lối sống không phù hợp và sống ly thân từ tháng 10 năm 2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn Đ.

Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 17-06-2012 và Đinh Bảo Thiên Đ, sinh ngày 26-9-2017, hiện đang ở cùng anh Đ. Chị nhận nuôi cả hai con, trong trường hợp được nuôi 01 con thì chị nhận nuôi cháu Đ, chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng.

Về tài sản: Khi khởi kiện chị yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất của vợ chồng; nay chị rút yêu cầu về việc chia tài sản, không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai khác tại Tòa án, bị đơn là anh Đinh Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình vợ chồng chung sống, mâu thuẫn chủ yếu là do chị T bỏ đi không chăm lo đến gia đình. Từ tháng 12 năm 2020 là chị T bỏ đi không quan tâm đến con cái và gia đình. Nay chị T xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh là người theo Đạo Công giáo mà luật lệ của Đạo không được phép ly hôn. Vì vậy, anh không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung là Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 17-06-2012 và Đinh Bảo Thiên Đ và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã A, huyện Giao Thủy; Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, nuôi con chung như các đương sự trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 17-06-2012 cho anh Đinh Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đinh Bảo Thiên Đ sinh ngày 26-9-2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phía nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đinh Văn Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ kết hôn hợp

pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ không có hạnh phúc, đã sống ly thân trong thời gian hơn 2 năm. Khi chị T xin ly hôn, anh Đinh Văn Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn với lý do anh theo tôn giáo Thiên Chúa. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Xác định chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ có 2 con chung Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 17-06-2012 và Đinh Bảo Thiên Đ, sinh ngày 26-9-2017, hiện đang ở cùng anh Đinh Văn Đ. Chị T và anh Đ đều có điều kiện nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền trực tiếp nuôi con của cả chị T và anh Đ, căn cứ vào nguyện vọng của hai bên, của con chung; Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Thị Thanh T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đinh Bảo Thiên Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị Trần Thị T rút yêu cầu về tài sản nên căn cứ các điều 217 và 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ và trả lại tiền tạm ứng án phí tài sản.

[5] Chị Trần Thị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng.

[6] Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nên nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ.

2. Về việc nuôi con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử: Giao cháu Đinh Bảo Thiên Đ, sinh ngày 26-9-2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 17-06-2012 cho anh Đinh Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ có trách nhiệm giao con Đinh Bảo Thiên Đ cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Căn cứ vào các điều 217 và 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị T; chị Trần Thị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và được trả lại án phí chia tài sản chung; đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.050.000 đồng theo Biên lai thu số 0000119 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Trần Thị T được hoàn trả số tiền 8.750.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên bố: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên